CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 167 ngày 12/4/2021
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng VP
Sao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03-AVF/AVFOOD/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT

Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02437723673 Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0901020788

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa tươi tiệt trùng 1,5% chất béo
2. Thành phần: Sữa tươi nguyên chất

Giá trị dinh dưỡng 100gr, protein– 3,1gr, chất béo – 1,5gr, carbohydrate – 4,7 gr,calo: 190 kJ (45 kcal)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 360 ngày kể từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Hộp giấy cứng đựng sữa chuyên dụng

Quy cách đóng gói: Hộp 1L.

5. Thông tin nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Nhà máy sữa Minsk 1"

Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q. Minskyi, TP. Zaslavl, 223034 Nước Cộng hòa Belarus

Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, TP. Minsk, 220070, nước Cộng hòa Belarus

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5:1-2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sữa lỏng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 0901020788-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phương Mai

Nhãn phụ trên thùng 12 hộp 1L sữa tươi tiệt trùng 1,5% chất béo

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT TỈNH HƯNG YÊN M.S.D.N: 0901020788-C.P

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG 1,5% chất béo

Theo tiêu chuẩn Belarus số: 1746
Trọng lượng tinh - 12.336 kg
Tổng trọng lượng (cả bao bì) - 12.920 kg
Thể tích đóng gói – 1.0 lít / hộp
Số lượng đóng gói - 12 hộp

Số lô hàng: Xem trên nhãn chính đính kèm
Số hộp: Xem trên nhãn chính đính kèm

Xuất xứ: Belarus
Ngày sản xuất: Xem trên bao bì
Hạn sử dụng: 360 ngày kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C trước khi mở nắp. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ^{0}C đến 6 ^{0}C trong vòng 24 giờ sau khi mở nắp.

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Nhà máy sữa Minsk 1"
Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q. Minskyi, TP. Zaslavl, 223034 Nước Cộng hòa Belarus
Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, TP. Minsk, 220070, nước Cộng hòa Belarus
Chịu trách nhiệm nhập khẩu: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và chế biến thực phẩm Âu Việt
Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Nhãn phụ sản phẩm dán trên hộp 1L
sữa tươi tiệt trùng 1,5% chất béo

M.S.D.N: 0901020788-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT
TỈNH HƯNG YÊN

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG 1,5% chất béo

Theo tiêu chuẩn Belarus số 1746, TU BY 100058367.072-2011
Thành phần: Sữa tươi nguyên chất
Giá trị dinh dưỡng 100gr:Protein– 3,1 gr, chất béo – 1,5 gr, cabrohydrate – 4,7 gr, calo: 190 kJ (45 kcal)
Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp để uống và nấu ăn
Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C trước khi mở nắp.
Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ^{0}C đến 6 ^{0}C trong vòng 24 giờ sau khi mở nắp.
Thể tích thực: 1.0 lít **Xuất xứ**: Belarus
NSX: Xem trên bao bì **HSD**: 360 ngày kể từ ngày sản xuất
Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm đã quá hạn sử dụng. Không dùng cho người dị ứng với đạm sữa bò, không dung nạp đường lactose.
Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Nhà máy sữa Minsk 1"
Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q. Minskyi, TP. Zaslavl, 223034 Nước Cộng hòa Belarus
Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, TP. Minsk, 220070, nước Cộng hòa Belarus
Chịu trách nhiệm nhập khẩu: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và chế biến thực phẩm Âu Việt
Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

BẢN DỊCH

MILK 1,5% STERILIZED
Ingredients: normalized milk. Nutritional value of 100 g of the product: protein - 3,1 g, fat – 1,5 g, carbohydrates – 4,7 g. Caloric value: 190kJ (45 kcal)
Store at a temperature of 2 C to 25 C. After opening the package, store for no more than 24 hours at a temperature of 2 C to 6 C. Volume: 1 L.
0JSC "Minsk Dairy Plant No 1".
Legal address: 11, Vokzalnaya st., Zaslavl, Minsk District, 223034, Republic of Belarus. Production address: 185, Soltysa st., Minsk, 220070, Republic of Belarus.

Sữa uống tiệt trùng 1,5% chất béo

Thành phần: Sữa tươi nguyên chất
Giá trị dinh dưỡng 100gr: Protein– 3,1 gr, chất béo – 1,5 gr, carbohydrate– 4,7 gr, calo: 190kJ (45 kcal)
Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản ở nhiệt độ từ 2-25 độ C. Sau khi mở hộp, bảo quản không quá 24 giờ ở nhiệt độ 2-6 độ C. Thể tích: 1.0 lít.
Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Nhà máy sữa Minsk 1"
Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q. Minskryi, TP Zaslavl, 223034 nước Cộng hòa Belarus
Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, Tp. Minsk, 220070, nước Cộng hòa Belarus

M.S.D.N: 010587
CÔNG
CỔ PH
DỊCH THUẬT
NAM HÀ
Q. HAI BÀ TRƯNG

CHỨNG NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT QUỐC TẾ NAM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 20/365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

Email: tuvannamhanoi@gmail.com ĐT: 024.36280340 / 0942.942.822

CHỨNG NHẬN BẢN DỊCH

Hôm nay, ngày 09 tháng 04 năm 2021 *(Ngày mùng chín, tháng bốn, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt)*

* Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CCCD số: 001186014997 cấp ngày 06 tháng 03 năm 2017 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp, là cộng tác viên biên dịch tiếng Anh của Công ty cổ phần Dịch thuật Quốc tế Nam Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt Nam.
* Chữ ký trong bản dịch là chữ ký của bà Lê Thị Chà.
* Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

Số bản dịch: 481 Quyển số: 01/2021 CN/BD-NHN

BIÊN DỊCH VIÊN	GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)	
Lê Thị Chà	TỔNG GIÁM ĐỐC Lại Mạnh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT QUỐC TẾ NAM HÀ NỘI
M.S.D.N: 0105877528 - C.T.C.P
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

en MILK 1,5 % STERILIZED

Ingredients: normalized milk. Nutritional value of 100 g of the product: proteins - 3,1 g, fats - 1,5 g, carbohydrates - 4,7 g. Caloric value: 190kJ (45 kcal). Store at a temperature of 2 °C to 25 °C. After opening the package, store for no more than 24 hours at a temperature of 2 °C to 6 °C. Volume: 1L.

OJSC "Minsk Dairy Plant №1".

Legal address: 11, Vokzalnaya st., Zaslavl, Minsk District, 223034, Republic of Belarus. Production address: 185, Soltysa st., Minsk, 220070, Republic of Belarus.

M.S.D.N:0901020788-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT
TỈNH HƯNG YÊN

M.S.D.N: 0901020788-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
ÂU VIỆT
TỈNH HƯNG YÊN

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001865 Email: kmn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

BẢN SAO

Số/No.: 8632/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample: Sữa tươi tiệt trùng 1,5 % Chất béo
Pasteurized fresh milk 1.5 % fat

2. Mã số mẫu/ *Sample code:* 03212396/DV.1

3. Mô tả mẫu
Sample description: Nguyên hộp 1 lít - Số lượng: 1
NSX: 08/10/2020 - HSD: 08/10/2021; Không có mẫu lưu
Intact 1-liter carton - Quantity: 1
MFG: 08/10/2020 - EXP: 08/10/2021; No storage sample

4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample

5. Thời gian lưu mẫu
Storage time of sample: Không có
No storage

6. Ngày nhận mẫu
Sampling received date: 31/03/2021

7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 31/03/2021 - 07/04/2021

8. Nơi gửi mẫu
Customer: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu & chế biến thực phẩm Âu Việt
Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng yên, Việt nam
Au Viet Import Export & Food Processing Joint Stock Company
Address: Ta Thuong Hamlet, Chinh Nghia Commune, Kim Dong District, Hung Yen Province, Vietnam

9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s) Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật
Physicochemical and Microbiological tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	*L. monocytogenes*	CFU/mL	ISO 11290-2:2017	KPH/ *ND* (LOD: 1 CFU/mL)
9.2*	Enterobacteriaceae	CFU/mL	ISO 21528-2:2017	KPH/ *ND* (LOD: 1 CFU/mL)
9.3*	Hàm lượng Protein sữa *Milk protein content*	g/100mL	TCVN 8099-1:2015	3,46
9.4*	Tỷ trọng ở 20 °C *Density at 20 °C*	g/mL	NIFC.05.M.197	1,033
9.5*	Hàm lượng Chì *Lead content*	mg/L	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010 mg/L)
9.6*	Hàm lượng Thiếc *Tin content*	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,010 mg/L)
9.7*	Hàm lượng Aflatoxin M1 *Aflatoxin M1 content*	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,01 µg/kg)
9.8*	Hàm lượng Aldrin *Aldrin content*	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,001 mg/kg)
9.9*	Hàm lượng Cyfluthrin *Cyfluthrin content*	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,001 mg/kg)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4.(*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.10*	Hàm lượng DDT *DDT content*	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,001 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng Dieldrin *Dieldrin content*	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,001 mg/kg)
9.12*	Hàm lượng Endosulfan *Endosulfan content*	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,001 mg/kg)
9.13*	Hàm lượng Chlortetracyclin *Chlortetracyclin content*	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 5,0 µg/kg)
9.14*	Hàm lượng Oxytetracyclin *Oxytetracyclin content*	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 5,0 µg/kg)
9.15*	Hàm lượng Tetracyclin *Tetracyclin content*	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 5,0 µg/kg)
9.16*	Hàm lượng Dihydrostreptomycin *Dihydrostreptomycin content*	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 15 µg/kg)
9.17*	Hàm lượng Gentamicin *Gentamicin content*	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 15 µg/kg)
9.18*	Hàm lượng Streptomycin *Streptomycin content*	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 15 µg/kg)
9.19*	Hàm lượng Benzylpenicilin *Benzylpenicilin content*	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,5 µg/kg)
9.20*	Hàm lượng Procain benzylpenicilin *Procain benzylpenicilin content*	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 0,5 µg/kg)
9.21*	Hàm lượng Spiramycin *Spiramycin content*	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ *ND* (LOD: 1,0 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử
Note: ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)
LOQ - Limit of quantification of the method

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 09-04-2021
Số chứng thực 12660 Quyển 04 SCT/BS

Hà Nội, 07/4/2021
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA ĐBCL
On behalf of Director General
Head of Quality Assurance Laboratory

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo
Le Thi Phuong Thao, PhD.

S.Đ.K.H.Đ: 07 - C.T.
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN NGÀ
THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time